

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng
Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin báo cáo trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia”;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Đài PT&TH; Báo Bắc Kạn;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu VT, NCTH, NCPC (Vân, Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 18/2025/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về việc quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (Nghị định số 09/2019/NĐ-CP); Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND).

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng cho các cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tham gia quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn để thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo yêu cầu quản lý nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn: Là hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo từ các sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Hệ thống thông tin báo cáo đáp ứng các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND.

2. Tài khoản: Là tên đăng nhập (username) và mật khẩu (password) được cấp cho cán bộ, công chức của các cơ quan, địa phương để đăng nhập vào Hệ

thống thông tin báo cáo. Tài khoản được phân quyền theo chức năng, nhiệm vụ của người sử dụng để quản trị, khai thác, cung cấp thông tin, số liệu, tổng hợp dữ liệu phục vụ chế độ báo cáo của các cơ quan, địa phương trên Hệ thống thông tin báo cáo.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, quản lý thông tin trên môi trường mạng và các nội dung đã được phê duyệt trong hồ sơ cấp độ an toàn thông tin của Hệ thống thông tin báo cáo.

2. Bảo đảm cung cấp số liệu kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các số liệu báo cáo phải đồng bộ, thống nhất để đảm bảo thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và đơn giản hóa các chế độ báo cáo giữa các ngành, cơ quan, địa phương.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 4. Quản lý, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo

1. Hệ thống thông tin báo cáo được cài đặt tại Trung tâm tích hợp Dữ liệu tỉnh đảm bảo các điều kiện về an ninh an toàn thông tin; hoạt động liên tục, ổn định; đáp ứng yêu cầu về tốc độ xử lý, truyền tải thông tin, dữ liệu điện tử, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các hệ thống thông tin khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hệ thống thông tin báo cáo có địa chỉ truy cập trên mạng Internet là: <https://hethongbaocao.backan.gov.vn>.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo.

Điều 5. Quản lý tài khoản và cấp mới tài khoản

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này được cấp tài khoản để truy cập, thực hiện các nghiệp vụ báo cáo liên quan và khai thác dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo.

Các tài khoản được phân thành 02 loại thông qua cơ chế phân quyền cho các tài khoản: Tài khoản quản trị và Tài khoản người dùng.

2. Trường hợp người dùng thay đổi vị trí công tác, chuyển đơn vị công tác, chuyển vị trí công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu thì cơ quan, đơn vị, địa phương thông báo cho cơ quan quản lý, vận hành để thực hiện hủy bỏ, thay đổi tài khoản người dùng theo quy định. Thời gian gửi thông báo tương ứng với thời gian lưu hành quyết định về việc chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu của người dùng.

3. Cơ quan quản lý, vận hành thực hiện tạo tài khoản trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và phân quyền sử dụng cho tài khoản theo đúng chức năng, nhiệm vụ, phạm vi dữ liệu gửi nhận báo cáo, dữ liệu của đơn vị và gửi lại thông tin tài khoản và mật khẩu tới người dùng qua hình thức văn bản hoặc email công vụ.

Điều 6. Các chế độ báo cáo và hình thức báo cáo được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo

1. Các chế độ báo cáo:

a) Chế độ báo cáo định kỳ được công bố tại Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chế độ báo cáo chuyên đề, đột xuất do các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng, ban hành để phục vụ mục đích quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình; đồng thời có thể chia sẻ vào kho báo cáo mẫu của tỉnh được phục vụ mục đích khai thác chung.

2. Hình thức báo cáo: Báo cáo số liệu, báo cáo thuyết minh, báo cáo liên kết (gồm cả phần số liệu và thuyết minh) được triển khai theo chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất hoặc các văn bản và quy định liên quan khác.

Điều 7. Khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo

1. Cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì báo cáo thực hiện đầy đủ theo mẫu báo cáo điện tử đã được thiết lập trên Hệ thống thông tin báo cáo.

2. Cán bộ, công chức được cấp tài khoản truy cập Hệ thống thông tin báo cáo có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản đúng chức năng, nhiệm vụ của mình; đảm bảo bảo mật thông tin tài khoản sau khi được giao.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo và thời gian gửi báo cáo thực hiện theo Điều 5 và khoản 3 Điều 6 Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND hoặc theo Quyết định công bố của cơ quan có thẩm quyền.

4. Đối với cơ quan thực hiện báo cáo:

a) Thu thập, tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu báo cáo đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo yêu cầu;

b) Kịp thời điều chỉnh, bổ sung thông tin, số liệu theo yêu cầu trong trường hợp cơ quan nhận báo cáo trả lại trên Hệ thống thông tin báo cáo;

c) Ký số báo cáo và các biểu mẫu kèm theo trên Hệ thống thông tin báo cáo theo quy định.

5. Đối với cơ quan chủ trì báo cáo:

a) Kiểm tra, tổng hợp thông tin, số liệu từ các báo cáo gửi đến, duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền;

b) Kịp thời trả lại và yêu cầu cơ quan gửi báo cáo điều chỉnh, bổ sung đối với những báo cáo không bảo đảm tính đầy đủ, chính xác.

6. Trường hợp Hệ thống thông tin báo cáo có sự cố kỹ thuật dẫn tới không thể triển khai gửi/nhận báo cáo trong thời gian quy định, việc gửi/nhận báo cáo được thực hiện qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau khi Hệ thống thông tin báo cáo được khắc phục sự cố kỹ thuật, cơ quan, địa phương thực hiện cập nhật bổ sung các chế độ báo cáo phát sinh trong thời gian gián đoạn.

Điều 8. Xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung danh mục báo cáo, đề cương và các biểu mẫu báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

1. Căn cứ các văn bản quy định về danh mục báo cáo, đề cương và các biểu mẫu báo cáo, cơ quan quản lý, vận hành chịu trách nhiệm xây dựng danh mục báo cáo, đề cương và các biểu mẫu báo cáo trên hệ thống chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được thông tin yêu cầu.

2. Cơ quan quản lý, vận hành phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện kiểm thử các biểu mẫu báo cáo liên quan trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đảm bảo đúng theo quy định để đưa vào sử dụng chính thức. Thời gian thực hiện kiểm thử không quá 02 (hai) ngày làm việc.

3. Cơ quan quản lý, vận hành thông báo bằng văn bản cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đưa vào sử dụng chính thức sau khi kiểm thử hoàn thành.

4. Khi có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung danh mục báo cáo, đề cương và các biểu mẫu báo cáo cơ quan quản lý, vận hành phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo khoản 1, 2, 3 Điều này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan duy trì, quản lý, vận hành kỹ thuật đảm bảo Hệ thống thông tin báo cáo hoạt động ổn định, thông suốt theo quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cập nhật và nâng cấp các chức năng của Hệ thống thông tin báo cáo nhằm đáp ứng quy định

mới, yêu cầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình khai thác, sử dụng; triển khai mở rộng Hệ thống thông tin báo cáo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trên toàn địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức đào tạo, hướng dẫn việc sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo; đồng thời hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo đúng quy trình, mục đích và đảm bảo hiệu quả.

3. Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu Hệ thống thông tin báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành, địa phương theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan điện tử hóa các chế độ báo cáo theo quy định tại Hệ thống thông tin báo cáo, đảm bảo các số liệu báo cáo được kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

5. Theo dõi việc thực hiện Quyết định này, cập nhật thường xuyên khi có sự thay đổi chế độ báo cáo định kỳ và công bố theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin; cập nhật, bổ sung tính năng theo yêu cầu của bộ, ngành Trung ương (nếu có) cho Hệ thống thông tin báo cáo theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc rà soát, xây dựng mẫu đề cương báo cáo hoặc biểu mẫu số liệu báo cáo cần được điện tử hóa để cập nhật tại Hệ thống thông tin báo cáo theo định hướng, hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm của Chi Cục thống kê tỉnh

Chủ động cung cấp, cập nhật dữ liệu Niên giám thống kê phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ lên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh trước ngày 10/7 theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Cung cấp số liệu và cập nhật thông tin của ngành, lĩnh vực quản lý đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời trên Hệ thống thông tin báo cáo. Chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng dữ liệu, số liệu liên quan đến các báo cáo do ngành, lĩnh vực mình phụ trách để phục vụ cho việc tổng hợp số liệu báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo.

2. Thường xuyên rà soát, đối chiếu, đề xuất bổ sung, điều chỉnh các nội dung (nếu có) trên Hệ thống thông tin báo cáo và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác có liên quan./.